

NHẬN DIỆN CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÍNH MINH BẠCH THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

● PHẠM HOÀI NAM

TÓM TẮT:

Bài viết trình bày tổng quan về thông tin kế toán (TTKT) và sự quan trọng của tính minh bạch trong TTKT, cơ sở nhận diện các nhân tố tác động đến tính minh bạch trong TTKT nhằm đánh giá và đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới tính minh bạch của TTKT, từ đó đề xuất các giải pháp với các bên liên quan, nhằm nâng cao tính minh bạch của TTKT được công bố trong nghiên cứu tiếp theo.

Từ khóa: nhân tố, minh bạch, thông tin kế toán, doanh nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang trong quá trình cải cách hành chính và thể chế một cách mạnh mẽ, hoạt động đầu tư nước ngoài ngày càng trở nên sôi động, nhu cầu của các doanh nghiệp (DN) Việt Nam niêm yết hoặc thu hút vốn đầu tư trên thị trường nước ngoài ngày càng gia tăng. Đặc biệt, với 15 hiệp định Thương mại Tự do (FTA) được đi vào thực thi, Việt Nam đã trở thành một trong những nền kinh tế mở nhất hiện nay. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được thông qua cũng là cơ hội cho các DN Việt Nam muốn khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Đây chính là lợi thế của Việt Nam so với các nước trong khu vực và đưa Việt Nam trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư nước ngoài trong thời điểm hiện tại. Ở nước ta

hiện nay, công tác kế toán, kiểm toán chủ yếu được thực hiện trên hồ sơ, giấy tờ. Nhưng khi triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin sẽ thay đổi phương thức, quy trình kế toán, trong đó biểu hiện rõ nhất là việc chuyển hóa toàn bộ các dữ liệu đó trở thành thông tin điện tử. Mặt khác, kế toán có vai trò vô cùng quan trọng trong việc cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động và các luồng tiền của đơn vị cho các đối tượng sử dụng thông tin. TTKT có vai trò rất quan trọng trong quản lý kinh tế; chất lượng của TTKT ảnh hưởng trực tiếp và quyết định sự thành bại của các quyết định kinh doanh. Để phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế và bảo vệ quyền lợi cho các nhà đầu tư, của DN thì TTKT cần phải đảm bảo tính minh bạch. Tính minh bạch của TTKT là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững, làm gia tăng giá trị của các DN.

2. Một số khái niệm cơ bản

Thông tin: Theo khoản 1 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 “Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”. “Thông tin là những sự kiện, con số được thể hiện trong một hình thức hữu ích với người sử dụng để hỗ trợ các nhóm đối tượng sử dụng ra quyết định. Nó có thể làm giảm sự không chắc chắn và tăng tri thức về vấn đề được đề cập” (Gelinas và Dull, 2008).

Thông tin kế toán: là những thông tin có được do hệ thống kế toán xử lý và cung cấp. Nếu phân loại theo tính chất và phạm vi của đối tượng sử dụng thông tin, thông tin kế toán gồm TTKT tài chính và TTKT quản trị. Cụ thể:

+ TTKT tài chính: là thông tin kinh tế, tài chính của một đơn vị cung cấp cho các đối tượng bên trong và bên ngoài đơn vị thông qua các báo cáo tài chính (BCTC). Bất kỳ hệ thống kế toán nào với phương thức xử lý thủ công hay phần mềm đều phải cung cấp đầy đủ thông tin tài chính theo quy định chung.

+ TTKT quản trị: là thông tin kinh tế, tài chính được cung cấp theo yêu cầu quản trị để phục vụ ra các quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán. Kế toán quản trị không nhất thiết phải tuân theo quy định chung và được cung cấp thông qua hệ thống báo cáo kế toán quản trị.

Tính minh bạch, bao gồm cả cơ hội, tính bình đẳng trong tiếp cận thông tin, tính tin cậy, nhất quán của thông tin, tính dự đoán trước được và sự cởi mở của đơn vị cung cấp thông tin. Winkler (2000) cho rằng minh bạch là số lượng thông tin mà các nhà kinh tế dựa vào đó để đưa ra các quyết định hoặc kỳ vọng của họ. DiPiazza và Eccles (2002) thì định nghĩa minh bạch là sự bắt buộc sẵn sàng cung cấp thông tin cần thiết cho cổ đông nhằm đưa ra những quyết định. Theo Vaccaro và Madsen (2009), minh bạch là mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp bởi mỗi công ty đến thị

trường, liên quan đến hoạt động kinh doanh của họ. Qua việc tổng kết các nghiên cứu trước đây, khái niệm minh bạch thông tin vẫn chưa được xác định nhất quán và còn mơ hồ, tùy theo ngữ cảnh, sự phát triển kinh tế, chính trị và xã hội và được điều chỉnh cho mỗi ngành, lĩnh vực, được nhìn nhận, đánh giá trên nhiều góc độ theo quan điểm riêng của mỗi tổ chức, cá nhân (Dapko, 2012).

Mục đích của các BCTC là cung cấp thông tin tài chính của đơn vị lập báo cáo cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng. “Tính minh bạch là nguyên tắc tạo lập một môi trường, trong đó các thông tin về thực trạng, về các quyết định và các hoạt động đều dễ dàng được tiếp cận, đều có thể hiểu được với tất cả các đối tượng tham gia vào thị trường”. Tính minh bạch của các BCTC được đảm bảo thông qua việc công bố đầy đủ và có thuyết minh rõ ràng về những thông tin hữu ích, cần thiết cho việc ra quyết định kinh tế của nhiều đối tượng sử dụng thông tin. Tính minh bạch là một trong những yêu cầu quan trọng của Chuẩn mực kế toán quốc tế về thông tin kế toán trong BCTC. Cụ thể: (1) Thông tin trên báo cáo phải đảm bảo độ tin cậy, chú trọng nội dung hơn hình thức, trung lập, thận trọng và hoàn chỉnh; (2) Thông tin phải được trình bày một cách nhất quán giữa các thời kỳ và giữa các đơn vị để giúp cho người sử dụng có thể đưa ra các đánh giá, so sánh quan trọng; (3) Thông tin phải dễ hiểu đối với người sử dụng (có sự hiểu biết nhất định về kinh tế, kinh doanh và kế toán).

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tính minh bạch TTKT trong doanh nghiệp

3.1. Các nhân tố bên trong

- **Nhân sự:** Vai trò của con người là không thể phủ nhận trong mọi hoạt động của đơn vị trong quá trình tổ chức và thực hiện hệ thống TTKT để tạo ra TTKT. Chất lượng của một hệ thống TTKT bị tác động tích cực bởi các nhân tố nhân sự, cam kết quản lý. Những con người tham gia trực tiếp vào hệ thống TTKT gồm: ban quản lý cấp cao, kế toán trưởng và các kế toán viên. Một đơn vị không thể tồn tại và thực hiện bất kỳ hoạt động nào nếu chỉ có sự tham gia của người lãnh đạo. Nó đòi phải có đội

ngũ nhân sự để thực hiện các kế hoạch của người quản lý và trực tiếp thực hiện đến việc tạo lập và cung cấp thông tin chính là nhân viên kế toán.

+ Sự hỗ trợ của nhà lãnh đạo: Sự hỗ trợ của nhà lãnh đạo được thể hiện qua sự tham gia của nhà lãnh đạo vào quá trình xây dựng các chiến lược và tổ chức thực hiện hệ thống TTKT. Bên cạnh đó, để tổ chức thực hiện hệ thống TTKT, cần phải đầu tư nguồn tư nguồn lực và mức độ ảnh hưởng trên phạm vi toàn đơn vị. Do đó, cần phải sự xét duyệt, đồng ý và hỗ trợ của nhà lãnh đạo để đảm bảo đủ nguồn lực và tài chính cần thiết để triển khai hệ thống TTKT. Sự hỗ trợ của nhà lãnh đạo là một trong những nhân tố quan trọng quyết định mức độ thành công khi phát triển và tổ chức thực hiện hệ thống TTKT. Nhà lãnh đạo là người hiểu rõ nhất về hoạt động của đơn vị, biết rõ những TTKT nào cần cho quá trình ra quyết định của đơn vị và quyết định thông tin nào sẽ cung cấp cho đối tượng bên ngoài vì họ có khả năng chi phối việc lựa chọn các thông tin sẽ công bố. Trên cơ sở đó, nhà lãnh đạo sẽ biết được sự cần thiết của việc xây dựng một hệ thống TTKT phù hợp với chiến lược và mục tiêu hoạt động của đơn vị mình. Khi nhà lãnh đạo có sự am hiểu về hệ thống TTKT như kiến thức về kế toán, quản lý, cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin, họ sẽ có cách thức triển khai, điều hành phù hợp để hệ thống hoạt động hiệu quả. Hơn nữa, nhà quản trị cấp cao trong đơn vị còn trực tiếp tham gia vào việc ban hành các chính sách liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ trong hệ thống TTKT, nhằm đảm bảo TTKT đạt chất lượng, nếu nhà quản lý có sự hiểu biết về kế toán thì các chính sách ban hành sẽ khả thi hơn.

+ Sự am hiểu của nhân viên kế toán: Kế toán là đối tượng trực tiếp tham gia vào quá trình vận hành hệ thống TTKT để tạo ra TTKT, nếu nhân viên kế toán không đủ phẩm chất và năng lực phụ trách công việc, kết quả TTKT được tạo ra kém chất lượng. Để đạt được tính minh bạch của TTKT thì kế toán chuyên nghiệp là điều kiện tiên quyết. Trong bộ máy kế toán của một đơn vị, kế toán

trưởng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Để thực hiện tốt những vai trò và trách nhiệm của mình, kế toán trưởng phải đạt được sự hiểu biết về chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán và năng lực quản lý. Kết hợp kế toán với công nghệ thông tin để cung cấp TTKT tốt nhất theo yêu cầu sử dụng là nhiệm vụ quan trọng nhất của hệ thống TTKT của một đơn vị. Trong bộ máy kế toán, để tổ chức, thực hiện hệ thống TTKT, kế toán viên có trách nhiệm chính trong việc thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu và lập các báo cáo kế toán. Ngày nay, vai trò của nhân viên kế toán không chỉ dừng lại ở việc ghi chép và lập báo cáo kế toán, mà còn tập trung vào việc phân tích dữ liệu hỗ trợ nhà lãnh đạo đơn vị ra các quyết định có liên quan.

- *Về cơ sở hạ tầng:* Ngoài trang thiết bị phần cứng và phần mềm hỗ trợ công tác kế toán, công nghệ thông tin truyền thông và hệ thống Internet rất hữu ích cho quá trình trao đổi và kết nối thông tin, dữ liệu các bộ phận trong một tổ chức với nhau. Khi mức độ tích hợp cao của hệ thống TTKT với các hệ thống khác trong tổ chức là một trong những cách để xác định chất lượng hệ thống TTKT. Công nghệ thông tin còn nâng cao sự tương tác và tham gia nhiều hơn của cá nhân, bộ phận vào hoạt động quản lý của đơn vị, đồng thời làm tăng khả năng tiếp cận thông tin của các đối tượng sử dụng có liên quan. Vì vậy, cơ sở hạ tầng là nhân tố chủ chốt ảnh hưởng tới minh bạch TTKT.

- *Về môi trường tổ chức:* Các nhân tố thuộc môi trường tổ chức gồm văn hóa tổ chức, cơ cấu tổ chức và các chính sách, quy định liên quan đến hệ thống TTKT đang hoạt động trong môi trường này.

+ Văn hóa tổ chức: là một trong những nhân tố chủ chốt tạo nên sự khác biệt giữa các tổ chức và mang lại lợi thế cạnh tranh cho mỗi tổ chức. Văn hóa tổ chức sẽ ảnh hưởng, định hình hành vi nhân viên của đơn vị và có thể mang lại hiệu quả cao cho đơn vị đó. Văn hóa tổ chức là hệ thống các hành động chia sẻ, giá trị và niềm tin phát triển và hướng dẫn hành vi của các thành viên trong một tổ chức. Văn hóa tổ chức bao gồm 5 thành phần: (1) các giá trị - là cơ sở của niềm tin, tinh thần và

động lực để điều hướng, kiểm soát hành vi của con người; (2) các quy chuẩn - các thành viên hành xử theo hướng dẫn của tổ chức theo các nguyên tắc bất hành văn; (3) các quy định - là những quy định về tổ chức hệ thống và các thủ tục trong tổ chức; (4) các giả định cơ bản - là những thông lệ cơ bản về cách thức giải quyết các vấn đề của tổ chức; và (5) sự ổn định - mức độ các hoạt động của tổ chức đang hướng đến là duy trì tình trạng hiện có thay vì thay đổi. Nếu khi một đơn vị có văn hóa khuyến khích nâng cao chất lượng thông tin, nhân viên trong tổ chức đó sẽ nỗ lực hơn để đảm bảo chất lượng thông tin so với những người làm việc trong một đơn vị không chú trọng vào vấn đề này. Trong phát triển hệ thống, văn hóa tổ chức cũng ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của hệ thống TTKT. Văn hóa tổ chức sẽ tạo nên thái độ phản ứng của nhân viên là chống đối hay sẵn sàng hợp tác khi đơn vị triển khai và phát triển chương trình hay chính sách nâng cao tính minh bạch TTKT.

+ Đặc điểm cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức là sự sắp xếp công việc, phân công lao động giữa các cá nhân, bộ phận trong một tổ chức và cùng phối hợp hài hòa với nhau nhằm đạt được các mục tiêu chung của đơn vị. Cơ cấu tổ chức tác động rất lớn đến hành vi của các thành viên và hiệu suất hoạt động của tổ chức thông qua việc thiết lập quyền lực, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động trong mọi tổ chức. Một đơn vị có cơ cấu tổ chức tốt khi có sự phân công hợp lý giữa các bộ phận, giữa các nhân viên sẽ góp phần đảm bảo chất lượng dữ liệu hệ thống TTKT nhờ vào sự kiểm soát giữa các bộ phận và nhân viên. Trong cơ cấu tổ chức, hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả có khả năng ngăn chặn những sai sót về thủ tục, gian lận, rủi ro của hoạt động kinh doanh và các chiến lược, kế hoạch ảnh hưởng đến việc lập báo cáo để có thể cung cấp báo cáo kế toán minh bạch.

- Về mức độ tự chủ tài chính: Khả năng tài chính được xem là một trong những nhân tố quyết định nội dung thông tin công bố. Tổng kết các nghiên

cứu trước đây trên thế giới, khi nghiên cứu ở cấp độ quốc gia đã đưa ra kết luận: nhân tố tài chính có ảnh hưởng lớn đến minh bạch thông tin, cụ thể ở những nước có nguồn lực tài chính mạnh hơn, năng lực kỹ thuật lớn hơn thì cung cấp báo cáo kế toán minh bạch hơn so với các nước có khả năng tài chính kém. Khi xem xét về mức độ tự chủ tài chính trực tiếp ảnh hưởng đến các đơn vị công lập.

- *Trách nhiệm công bố thông tin*: Trong lĩnh vực kinh doanh, bất kỳ một quyết định nào cũng đều dựa trên các cơ sở là các thông tin minh bạch, đáng tin cậy thì mới hạn chế được rủi ro và mang lại hiệu quả đầu tư cao. Đặc biệt, trách nhiệm của các công ty niêm yết, các nhà đầu tư và các công ty kiểm toán liên quan đến tính trung thực hợp lý, công khai và minh bạch của các thông tin tài chính được công bố. Hiện nay, trên thị trường chứng khoán nước ta, tính minh bạch và độ tin cậy của các thông tin tài chính của các công ty niêm yết còn thấp. Một trong những nguyên nhân quan trọng của vấn đề này là do trách nhiệm của các bên liên quan chưa được xem xét và xử lý đúng luật, bao gồm: trách nhiệm của người lập BCTC; trách nhiệm của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc đưa ra các ý kiến; trách nhiệm của nhà đầu tư, trách nhiệm của công ty bảo hiểm,...

3.2. Các nhân tố bên ngoài

- *Chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành*: Việt Nam đã hình thành một hệ thống các chuẩn mực phản ánh tương đối đầy đủ các giao dịch cơ bản của doanh nghiệp. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) đã đạt được những thành quả nhất định. Xong một trong những giải pháp quan trọng để Việt Nam tận dụng được cơ hội mới nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh hơn và chất lượng hơn là việc chuẩn bị sẵn sàng và đưa vào áp dụng BCTC theo chuẩn mực quốc tế (IFRS). IFRS không những đáp ứng yêu cầu thay đổi của các tổ chức tài chính quốc tế đối với Việt Nam, mà còn phục vụ những yêu cầu của thị trường kinh doanh trong thời điểm hiện tại. Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sẽ cho phép các DN đại

chúng, các DN niềm yết áp dụng IFRS trong việc lập và trình bày BCTC chính thức từ năm 2022. Cùng với Quyết định trên, các quy định được giới thiệu trong Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất chắc chắn sẽ mang lại lợi ích rất lớn giúp DN vượt qua được giai đoạn khó khăn hiện tại và tiếp tục đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Thị trường chứng khoán theo đó cũng sẽ trở nên công khai và minh bạch hơn, các thông tin trên thị trường sẽ được cải thiện và phục vụ tốt cho nhà đầu tư trong quá trình đánh giá và quyết định đầu tư. Khi uy tín của Việt Nam trên thế giới và tiềm năng phát triển của kinh tế Việt Nam được chứng minh thì khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi là điều chắc chắn trong tương lai gần.

- *Hoạt động quản lý của Nhà nước đối với kế toán, kiểm toán:* Vai trò của Nhà nước liên quan chặt chẽ đến thính thống nhất, tập trung với hoạt động kế toán, kiểm toán trong toàn bộ nền kinh tế. Bên cạnh việc tập trung rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp lý trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, các cơ quan quản lý nhà nước cần đưa ra các giải pháp nhằm khuyến khích các DN nghiên cứu và áp dụng IFRS. Thứ nhất, để tăng cường áp dụng IFRS ở Việt Nam, các cơ quan chức năng của Nhà nước cần có chính sách khuyến khích hỗ trợ các DN, tổ chức nghiên cứu và áp dụng IFRS. Bộ Tài chính cần phối kết hợp với các đơn vị tổ chức nhiều chương trình tập huấn, hướng dẫn các DN và tiến hành áp dụng IFRS vào quá trình lập BCTC. Đồng thời, tăng cường đối thoại với các

DN để giải đáp, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn và khuyến khích DN chuyển sang áp dụng IFRS. Thứ hai, có cơ chế xây dựng nền tảng, cơ sở hạ tầng để phục vụ cho việc áp dụng IFRS. Để tăng cường áp dụng IFRS, Bộ Tài chính và các bộ ngành có liên quan cần phối hợp chặt chẽ để rà soát và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính - kế toán nhằm giảm thiểu sự khác biệt giữa các văn bản. Từ đó, xác định và phân biệt rõ phạm vi áp dụng chuẩn mực kế toán, chính sách thuế và cơ chế tài chính nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên BCTC để cung cấp ra công chúng. Mặt khác, xây dựng bộ khung năng lực nhằm nâng cao trình độ của các đối tượng liên quan, bao gồm các quy định về chất lượng đối tượng hành nghề, việc đào tạo trong quá trình làm việc, các quy định kiểm soát chất lượng kế toán.

4. Kết luận

Minh bạch TTKT là một yêu cầu tất yếu khi cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin. Cả đối tượng sử dụng thông tin bên trong và bên ngoài đơn vị đều có những lợi ích nhất định khi sử dụng TTKT minh bạch. Hơn nữa, minh bạch TTKT còn góp phần thúc đẩy nền kinh tế - chính trị của quốc gia phát triển bền vững. Do vậy, việc nhận diện các nhân tố tác động đến tính minh bạch thông tin kế toán của đơn vị là hết sức cần thiết. Trên cơ sở nhận diện các nhân tố tác động có thể tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới tính minh bạch của TTKT, từ đó đề xuất các giải pháp với các bên liên quan, nhằm nâng cao tính minh bạch của TTKT được công bố ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2015). *Luật số 88/2015/QH13: Luật Kế toán, ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015.*
2. Quốc hội (2016). *Luật số 104/2016/QH13: Luật Tiếp cận thông tin, ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2016.*
3. Deloitte Việt Nam (2020). *Báo cáo kết quả khảo sát Mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của doanh nghiệp tại Việt Nam.*
4. Đậu Thị Kim Thoa (2019). *Xác định các nhân tố bên trong đơn vị ảnh hưởng đến minh bạch thông tin kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập tài Việt Nam.* Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

5. Ngân hàng thế giới (2000). *Các chuẩn mực kế toán quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đinh Thùy Dung (2022). Thông tin là gì? Vai trò, thuộc tính và các dạng thông tin? Truy cập tại <https://luatduonggia.vn/thong-tin-la-gi-vai-tro-thuoc-tinh-va-cac-dang-thong-tin/>

Ngày nhận bài: 7/3/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/4/2022

Thông tin tác giả:

TS. PHẠM HOÀI NAM

Học viện Ngân hàng

IDENTIFYING THE FACTORS AFFECTING THE ACCOUNTING INFORMATION TRANSPARENCY OF COMPANIES

● **Ph.D PHAM HOAI NAM**
Banking Academy

ABSTRACT:

This paper presents an overview of accounting information and the importance of transparency in accounting information. This paper also introduces the basis for identifying the factors affecting the accounting information transparency in order to evaluate and measure the impact level of each factor on the accounting information transparency. Based on the paper's findings, some solutions are proposed to stakeholders for improving the accounting information transparency. These solutions are presented in the next study.

Keywords: factor, transparency, accounting information, company.